VIỆN KHOA HỌC AN TOÀN VÀ VỆ SINH LAO ĐỘNG
VIETNAM NATIONAL INSTITUTE OF OCCUPATIONAL SAFETY AND HEALTH
PHÂN VIỆN KHOA HỌC AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG MIỀN TRUNG
BRANCH OF NATIONAL INSTITUTE OF OCCUPATIONAL SAFETY AND HEALTH IN THE CENTRAL VIETNAM

CNIOSH SINCE 1979

Địa chỉ: 178 Triệu Nữ Vương, P. Hải Châu, TP. Đà Nẵng
ĐT: 0236 3584427; 0236 3822831
Fax: 0236 3584427
Website: cniosh.vn

Số/No : 427/2026/PKQ-MT (26.19)

Ngày/Date: 30/01/2026

# PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
## TEST REPORT

1. Khách hàng (*Client*): **BỆNH VIỆN ĐA KHOA KHU VỰC QUẢNG NAM**
2. Địa chỉ *(Address)*: **24 Lê Hữu Trác, phường Điện Bàn, thành phố Đà Nẵng**
3. Ngày thu mẫu (*Date of sampling*): 08/01/2026 Loại mẫu (*Type of sample*): Nước sinh hoạt
4. Số lượng mẫu (*Quantity of sample*): 01 Ký hiệu mẫu (*Sign of sample*): NSH1
5. Kết quả thử nghiệm (*Results*):

| TT *(No)* | Thông số *(Test properties)* | Phương pháp thử nghiệm *(Test methods)* | ĐVT *(Unit)* | Kết quả *(Test results)* | QCVN 01-1:2024/BYT |
|---|---|---|---|---|---|
| | | | | NSH1 | Ngưỡng giới hạn cho phép |
| 1 | Mùi vị[(1)] | SOP-HT-40/CNIOSH | - | Không mùi | ***Không có mùi lạ*** |
| 2 | Độ đục[(1)] | SMEWW 2130B:2023 | NTU | < 0,5 | ***2*** |
| 3 | Độ màu[(1)] | SMEWW 2120C:2023 | TCU | < 10 | ***15*** |
| 4 | pH[(1)] | TCVN 6492:2011 | - | 7,1 | ***6 ÷ 8,5*** |
| 5 | Amoni ($NH_4^+$)[(1)] | TCVN 6179-1:1996 | mg/L | < 0,10 | ***1*** |
| 6 | Asen tổng số (As)[(1)] | SMEWW 3113B:2023 | mg/L | < 0,006 | ***0,01*** |
| 7 | Chỉ số pecmanganat[(1)] | TCVN 6186:1996 | mg/L | < 0,5 | ***2*** |
| 8 | Clo dư[(1)] | SOP-HT-35/CNIOSH | mg/L | 0,4 | ***0,2 ÷ 1*** |
| 9 | Pseudomonas aeruginosa[(4)] | TCVN 8881:2011 | CFU/250mL | < 1 | ***1*** |
| 10 | Staphylococcus aureus[(4)] | SMEWW 9213B:2023 | CFU/100mL | < 1 | ***1*** |
| 11 | Tổng Coliforms[(4)] | ISO 9308-1:2024 | VK/100mL | < 1 | ***1*** |
| 12 | E.Coli[(4)] | TCVN 6187-1:2019 | CFU/100mL | < 1 | ***1*** |

***Ghi chú*** *(Note)*:
- Kết quả chỉ có giá trị tại thời điểm thu mẫu
- Không giải quyết khiếu nại sau 7 ngày kể từ ngày ký kết quả
- [(4)]: Chỉ tiêu do nhà thầu phụ thực hiện - Công ty TNHH Nghiên cứu và Phát triển RDC - VLAT 1.1198
- QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Vị trí thu mẫu:
- NSH1: Mẫu nước tại bể chứa ngầm tầng trệt khu ngoại 5 tầng; dung tích 300$m^3$

**TRƯỞNG PHÒNG**
*(Chief of Technical department)*

**CN. Trần Thị Kim Anh**

**TUQ. PHÂN VIỆN TRƯỞNG**
**PHÓ PHÂN VIỆN**
*(Vice Director)*

PHÂN VIỆN KHOA HỌC AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG MIỀN TRUNG

**ThS. Nguyễn Thành Trung**


Chỉ tiêu: (1) được công nhận bởi Phòng Công nhận chất lượng BoA; (2) được chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường số hiệu VIMCERTS 071
(3) đủ điều kiện đo môi trường lao động theo QĐ 1408/MT-LĐ của Bộ Yt

VIỆN KHOA HỌC AN TOÀN VÀ VỆ SINH LAO ĐỘNG
VIETNAM NATIONAL INSTITUTE OF OCCUPATIONAL SAFETY AND HEALTH
PHÂN VIỆN KHOA HỌC AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG MIỀN TRUNG
BRANCH OF NATIONAL INSTITUTE OF OCCUPATIONAL SAFETY AND HEALTH IN THE CENTRAL VIETNAM

CNIOSH SINCE 1979

Địa chỉ: 178 Triệu Nữ Vương, P. Hải Châu, TP. Đà Nẵng
ĐT: 0236 3584427; 0236 3822831
Fax: 0236 3584427
Website: cniosh.vn

Số/No : 428/2026/PKQ-MT (26.19)

Ngày/Date: 30/01/2026

# PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
## TEST REPORT

1. Khách hàng (*Client*): **BỆNH VIỆN ĐA KHOA KHU VỰC QUẢNG NAM**
2. Địa chỉ *(Address)*: **24 Lê Hữu Trác, phường Điện Bàn, thành phố Đà Nẵng**
3. Ngày thu mẫu (*Date of sampling*): 08/01/2026 Loại mẫu (*Type of sample*): Nước sinh hoạt
4. Số lượng mẫu (*Quantity of sample*): 01 Ký hiệu mẫu (*Sign of sample*): NSH2
5. Kết quả thử nghiệm (*Results*):

| TT *(No)* | Thông số *(Test properties)* | Phương pháp thử nghiệm *(Test methods)* | ĐVT *(Unit)* | Kết quả *(Test results)* | QCVN 01-1:2024/BYT |
|---|---|---|---|---|---|
| | | | | NSH2 | Ngưỡng giới hạn cho phép |
| 1 | Mùi vị[(1)] | SOP-HT-40/CNIOSH | - | Không mùi | ***Không có mùi lạ*** |
| 2 | Độ đục[(1)] | SMEWW 2130B:2023 | NTU | < 0,5 | ***2*** |
| 3 | Độ màu[(1)] | SMEWW 2120C:2023 | TCU | < 10 | ***15*** |
| 4 | pH[(1)] | TCVN 6492:2011 | - | 6,8 | ***6 ÷ 8,5*** |
| 5 | Amoni ($NH_4^+$)[(1)] | TCVN 6179-1:1996 | mg/L | < 0,10 | ***1*** |
| 6 | Asen tổng số (As)[(1)] | SMEWW 3113B:2023 | mg/L | < 0,006 | ***0,01*** |
| 7 | Chỉ số pecmanganat[(1)] | TCVN 6186:1996 | mg/L | < 0,5 | ***2*** |
| 8 | Clo dư[(1)] | SOP-HT-35/CNIOSH | mg/L | 0,5 | ***0,2 ÷ 1*** |
| 9 | Pseudomonas aeruginosa[(4)] | TCVN 8881:2011 | CFU/250mL | < 1 | ***1*** |
| 10 | Staphylococcus aureus[(4)] | SMEWW 9213B:2023 | CFU/100mL | < 1 | ***1*** |
| 11 | Tổng Coliforms[(4)] | ISO 9308-1:2024 | VK/100mL | < 1 | ***1*** |
| 12 | E.Coli[(4)] | TCVN 6187-1:2019 | CFU/100mL | < 1 | ***1*** |

***Ghi chú*** *(Note)*:
- Kết quả chỉ có giá trị tại thời điểm thu mẫu
- Không giải quyết khiếu nại sau 7 ngày kể từ ngày ký kết quả
- [(4)]: Chỉ tiêu do nhà thầu phụ thực hiện - Công ty TNHH Nghiên cứu và Phát triển RDC - VLAT 1.1198
- QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Vị trí thu mẫu:
- NSH2: Mẫu nước tại bể chứa ngầm tầng trệt khu nội 7 tầng; dung tích 140$m^3$

**TRƯỞNG PHÒNG**
*(Chief of Technical department)*

**CN. Trần Thị Kim Anh**

**TUQ. PHÂN VIỆN TRƯỞNG**
**PHÂN VIỆN PHÓ**
*(Vice Director)*

PHÂN VIỆN KHOA HỌC AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG MIỀN TRUNG

**ThS. Nguyễn Thành Trung**


Chỉ tiêu: (1) được công nhận bởi Phòng Công nhận chất lượng BoA; (2) được chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường số hiệu VIMCERTS 071
(3) đủ điều kiện đo môi trường lao động theo QĐ 1408/MT-LĐ của Bộ Yt

VIỆN KHOA HỌC AN TOÀN VÀ VỆ SINH LAO ĐỘNG
VIETNAM NATIONAL INSTITUTE OF OCCUPATIONAL SAFETY AND HEALTH
PHÂN VIỆN KHOA HỌC AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG MIỀN TRUNG
BRANCH OF NATIONAL INSTITUTE OF OCCUPATIONAL SAFETY AND HEALTH IN THE CENTRAL VIETNAM

Địa chỉ: 178 Triệu Nữ Vương, P. Hải Châu, TP. Đà Nẵng
ĐT: 0236 3584427; 0236 3822831
Fax: 0236 3584427
Website: cniosh.vn

Số/No : 429/2026/PKQ-MT (26.19)

Ngày/Date: 30/01/2026

# PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
## TEST REPORT

1. Khách hàng (*Client*): **BỆNH VIỆN ĐA KHOA KHU VỰC QUẢNG NAM**
2. Địa chỉ *(Address)*: **24 Lê Hữu Trác, phường Điện Bàn, thành phố Đà Nẵng**
3. Ngày thu mẫu (*Date of sampling*): 08/01/2026 Loại mẫu (*Type of sample*): Nước sinh hoạt
4. Số lượng mẫu (*Quantity of sample*): 01 Ký hiệu mẫu (*Sign of sample*): NSH3
5. Kết quả thử nghiệm (*Results*):

| TT *(No)* | Thông số *(Test properties)* | Phương pháp thử nghiệm *(Test methods)* | ĐVT *(Unit)* | Kết quả *(Test results)* | QCVN 01-1:2024/BYT |
|---|---|---|---|---|---|
| | | | | NSH3 | Ngưỡng giới hạn cho phép |
| 1 | Mùi vị[(1)] | SOP-HT-40/CNIOSH | - | Không mùi | ***Không có mùi lạ*** |
| 2 | Độ đục[(1)] | SMEWW 2130B:2023 | NTU | < 0,5 | ***2*** |
| 3 | Độ màu[(1)] | SMEWW 2120C:2023 | TCU | < 10 | ***15*** |
| 4 | pH[(1)] | TCVN 6492:2011 | - | 6,7 | ***6 ÷ 8,5*** |
| 5 | Amoni ($NH_4^+$)[(1)] | TCVN 6179-1:1996 | mg/L | < 0,10 | ***1*** |
| 6 | Asen tổng số (As)[(1)] | SMEWW 3113B:2023 | mg/L | < 0,006 | ***0,01*** |
| 7 | Chỉ số pecmanganat[(1)] | TCVN 6186:1996 | mg/L | < 0,5 | ***2*** |
| 8 | Clo dư[(1)] | SOP-HT-35/CNIOSH | mg/L | 0,2 | ***0,2 ÷ 1*** |
| 9 | Pseudomonas aeruginosa[(4)] | TCVN 8881:2011 | CFU/250mL | < 1 | ***1*** |
| 10 | Staphylococcus aureus[(4)] | SMEWW 9213B:2023 | CFU/100mL | < 1 | ***1*** |
| 11 | Tổng Coliforms[(4)] | ISO 9308-1:2024 | VK/100mL | < 1 | ***1*** |
| 12 | E.Coli[(4)] | TCVN 6187-1:2019 | CFU/100mL | < 1 | ***1*** |

***Ghi chú*** *(Note)*:
- Kết quả chỉ có giá trị tại thời điểm thu mẫu
- Không giải quyết khiếu nại sau 7 ngày kể từ ngày ký kết quả
- [(4)]: Chỉ tiêu do nhà thầu phụ thực hiện - Công ty TNHH Nghiên cứu và Phát triển RDC - VLAT 1.1198
- QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Vị trí thu mẫu:
- NSH3: Mẫu nước tại vòi khu vệ sinh tầng 2 khu ngoại 5 tầng

**TRƯỞNG PHÒNG**
*(Chief of Technical department)*

**CN. Trần Thị Kim Anh**

**TUQ. PHÂN VIỆN TRƯỞNG**
**PHÂN VIỆN PHÓ**
*(Vice Director)*

PHÂN VIỆN KHOA HỌC AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG MIỀN TRUNG

**ThS. Nguyễn Thành Trung**


Chỉ tiêu: (1) được công nhận bởi Phòng Công nhận chất lượng BoA; (2) được chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường số hiệu VIMCERTS 071
(3) đủ điều kiện đo môi trường lao động theo QĐ 1408/MT-LĐ của Bộ Y tế

VIỆN KHOA HỌC AN TOÀN VÀ VỆ SINH LAO ĐỘNG
VIETNAM NATIONAL INSTITUTE OF OCCUPATIONAL SAFETY AND HEALTH
PHÂN VIỆN KHOA HỌC AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG MIỀN TRUNG
BRANCH OF NATIONAL INSTITUTE OF OCCUPATIONAL SAFETY AND HEALTH IN THE CENTRAL VIETNAM

CNIOSH SINCE 1979

Địa chỉ: 178 Triệu Nữ Vương, P. Hải Châu, TP. Đà Nẵng
ĐT: 0236 3584427; 0236 3822831
Fax: 0236 3584427
Website: cniosh.vn

Số/No : 430/2026/PKQ-MT (26.19)

Ngày/Date: 30/01/2026

# PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
## TEST REPORT

1. Khách hàng (*Client*): **BỆNH VIỆN ĐA KHOA KHU VỰC QUẢNG NAM**
2. Địa chỉ *(Address):* **24 Lê Hữu Trác, phường Điện Bàn, thành phố Đà Nẵng**
3. Ngày thu mẫu (*Date of sampling*): 08/01/2026 Loại mẫu (*Type of sample*): Nước sinh hoạt
4. Số lượng mẫu (*Quantity of sample*): 01 Ký hiệu mẫu (*Sign of sample*): NSH4
5. Kết quả thử nghiệm (*Results*):

| TT *(No)* | Thông số *(Test properties)* | Phương pháp thử nghiệm *(Test methods)* | ĐVT *(Unit)* | Kết quả *(Test results)* | QCVN 01-1:2024/BYT |
|---|---|---|---|---|---|
| | | | | NSH4 | Ngưỡng giới hạn cho phép |
| 1 | Mùi vị[(1)] | SOP-HT-40/CNIOSH | - | Không mùi | ***Không có mùi lạ*** |
| 2 | Độ đục[(1)] | SMEWW 2130B:2023 | NTU | < 0,5 | ***2*** |
| 3 | Độ màu[(1)] | SMEWW 2120C:2023 | TCU | < 10 | ***15*** |
| 4 | pH[(1)] | TCVN 6492:2011 | - | 6,9 | ***6 ÷ 8,5*** |
| 5 | Amoni ($NH_4^+$)[(1)] | TCVN 6179-1:1996 | mg/L | < 0,10 | ***1*** |
| 6 | Asen tổng số (As)[(1)] | SMEWW 3113B:2023 | mg/L | < 0,006 | ***0,01*** |
| 7 | Chỉ số pecmanganat[(1)] | TCVN 6186:1996 | mg/L | < 0,5 | ***2*** |
| 8 | Clo dư[(1)] | SOP-HT-35/CNIOSH | mg/L | 0,3 | ***0,2 ÷ 1*** |
| 9 | Pseudomonas aeruginosa[(4)] | TCVN 8881:2011 | CFU/250mL | < 1 | ***1*** |
| 10 | Staphylococcus aureus[(4)] | SMEWW 9213B:2023 | CFU/100mL | < 1 | ***1*** |
| 11 | Tổng Coliforms[(4)] | ISO 9308-1:2024 | VK/100mL | < 1 | ***1*** |
| 12 | E.Coli[(4)] | TCVN 6187-1:2019 | CFU/100mL | < 1 | ***1*** |

***Ghi chú*** *(Note):*
- Kết quả chỉ có giá trị tại thời điểm thu mẫu
- Không giải quyết khiếu nại sau 7 ngày kể từ ngày ký kết quả
- [(4)]: Chỉ tiêu do nhà thầu phụ thực hiện - Công ty TNHH Nghiên cứu và Phát triển RDC - VLAT 1.1198
- QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Vị trí thu mẫu:
- NSH4: Mẫu nước tại vòi khu vệ sinh tầng 1 khu nội 7 tầng

**TRƯỞNG PHÒNG**
*(Chief of Technical department)*

**CN. Trần Thị Kim Anh**

**TUQ. PHÂN VIỆN TRƯỞNG**
**PHÂN VIỆN PHÓ**
*(Vice Director)*

PHÂN VIỆN KHOA HỌC AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG MIỀN TRUNG

**ThS. Nguyễn Thành Trung**


Chỉ tiêu: (1) được công nhận bởi Phòng Công nhận chất lượng BoA; (2) được chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường số hiệu VIMCERTS 071
(3) đủ điều kiện đo môi trường lao động theo QĐ 1408/MT-LĐ của Bộ Yt